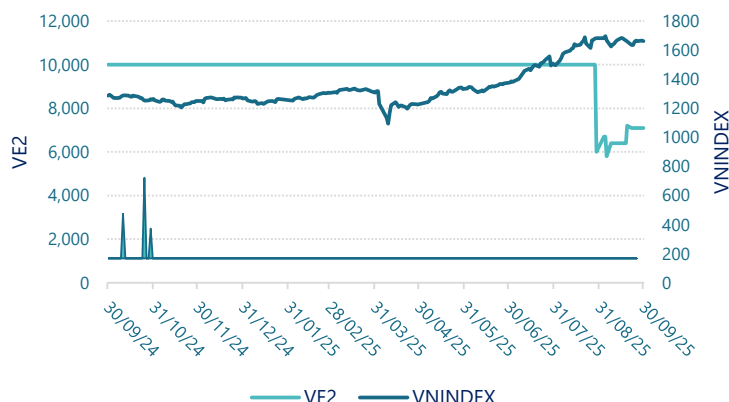


CTCP Xây dựng điện VNECO 2 (UPCOM: VE2)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	7,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,800
SL cổ phiếu LH	2,098,080
KLGD BQ 20 phiên (CP)	210
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	15
P/E	-9.0
EPS	-785

DT thuần

Q3/25

0.14

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.14 | -48.7%

YoY: ▼0.02 | -10.1%

LN sau thuế

Q3/25

-0.18

tỷ VNĐ

QoQ: ▲0.50 | 73.1%

YoY: ▲0.07 | 26.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

-127%

+/- YoY: ▲56.5%

DT thuần

9T 2025

0.43

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.14 | -25.8%

LN sau thuế

9T 2025

-1.23

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.28 | -28.9%

ROE

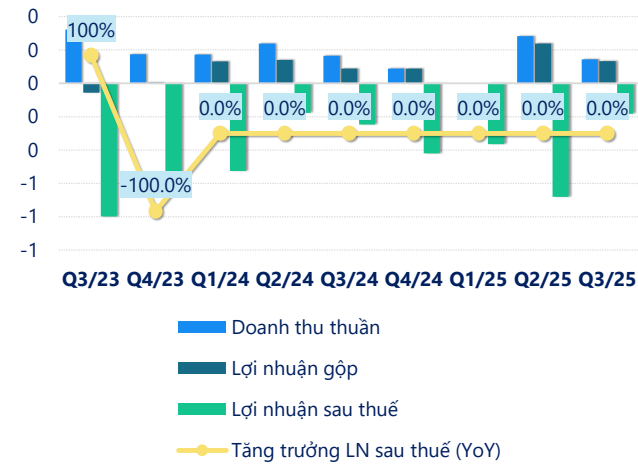
Q3/25

-91.2%

+/- YoY: ▼57.5%

tỷ VNĐ

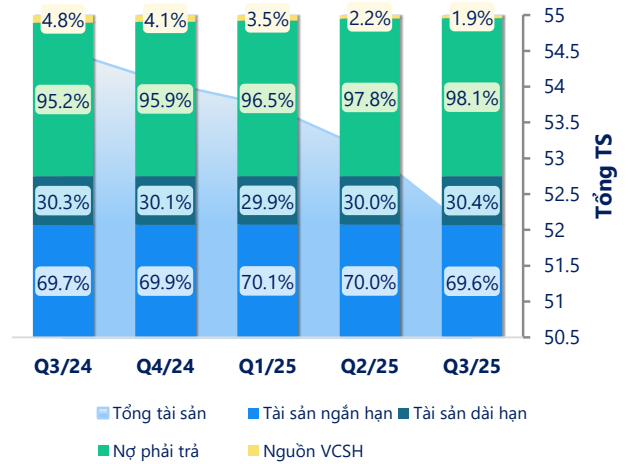
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

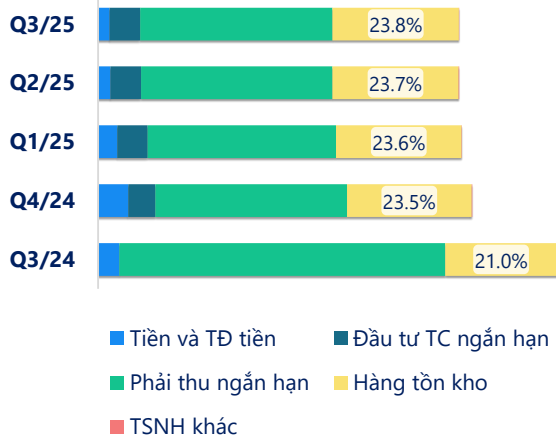
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



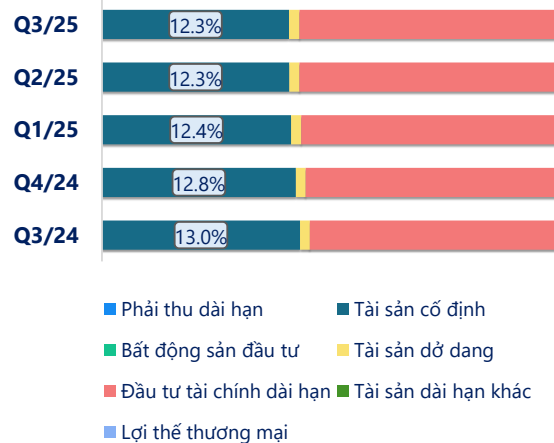
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

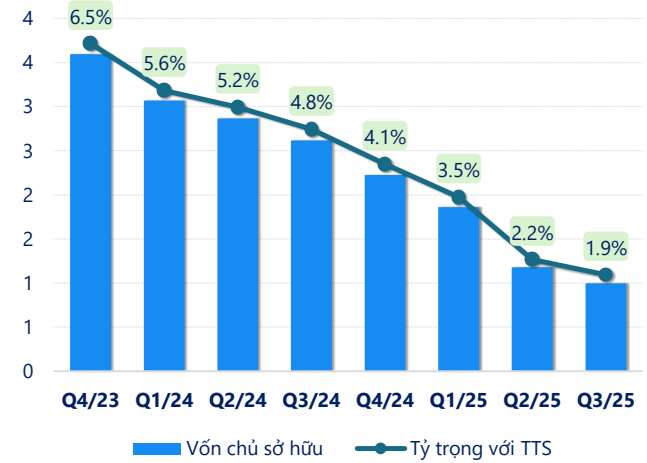
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

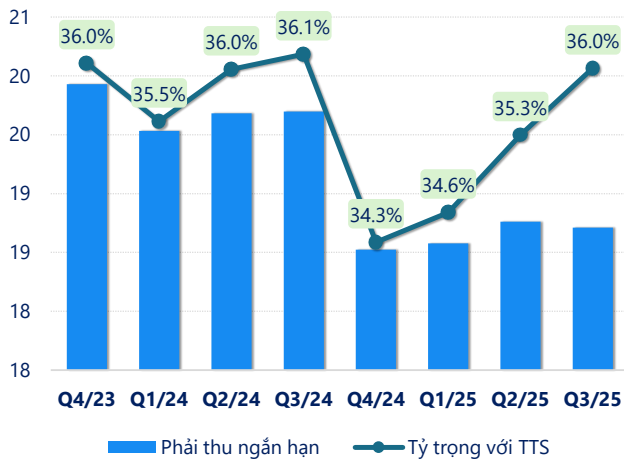
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



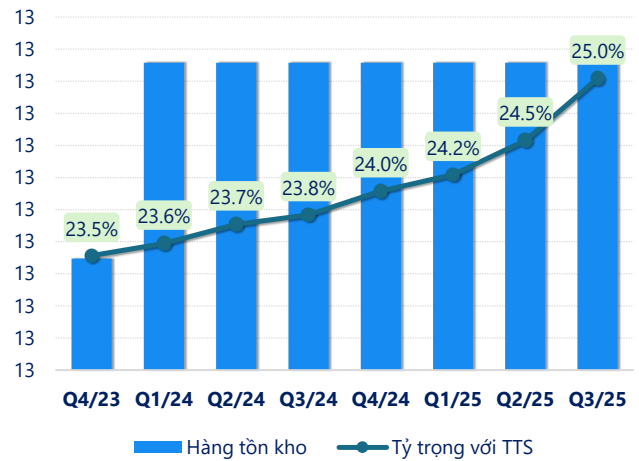
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


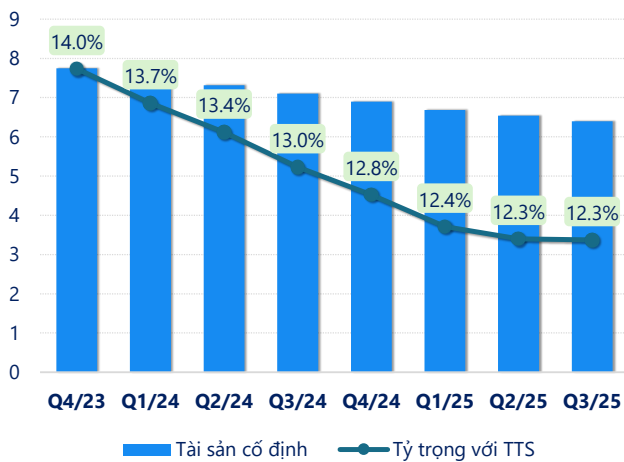
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


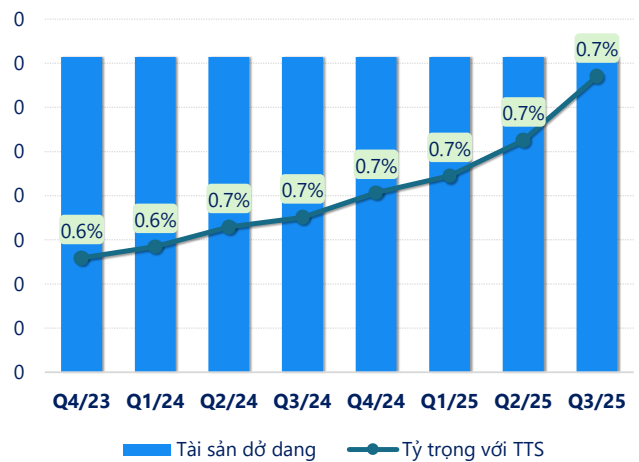
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

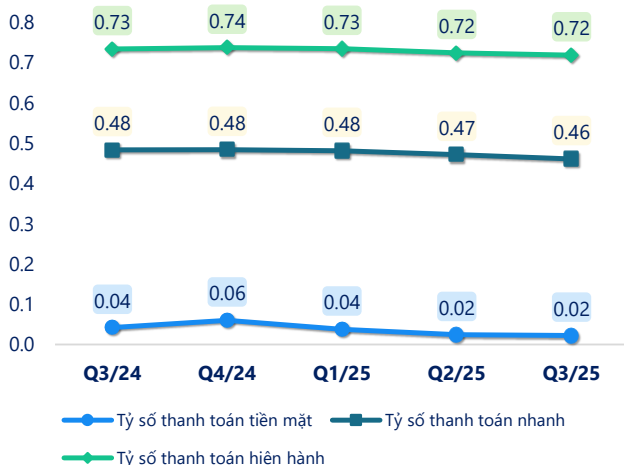
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

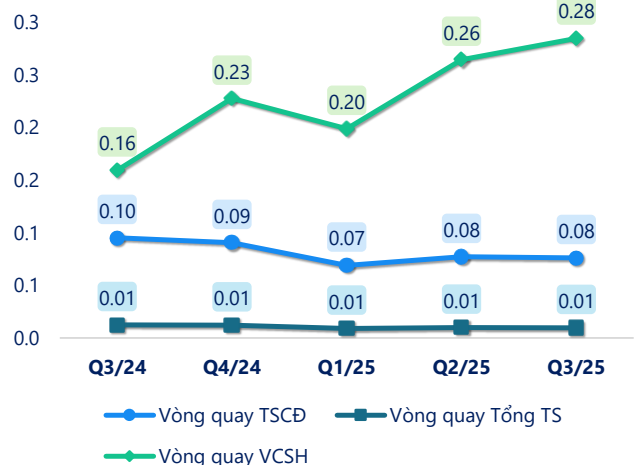
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	54.5	54.1	53.7	53.1	52.0
Tài sản ngắn hạn	38.0	37.8	37.7	37.2	36.2
Tiền và tương đương tiền	2.17	3.07	1.93	1.24	1.13
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.15	3.15	4.15	4.15	3.35
Phải thu ngắn hạn	19.7	18.5	18.6	18.8	18.7
Hàng tồn kho	13.0	13.0	13.0	13.0	13.0
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	0.03	0.03	0.04	0.03
Tài sản dài hạn	16.5	16.3	16.1	15.9	15.8
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	7.11	6.90	6.69	6.54	6.40
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.36	0.36	0.36	0.36	0.36
Đầu tư tài chính dài hạn	9.03	9.03	9.03	9.03	9.03
Tài sản dài hạn khác	0.02	0.01	0.00	0.00	0.00
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	51.9	51.8	51.9	51.9	51.0
Nợ ngắn hạn	51.8	51.2	51.3	51.3	50.4
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	1.05	1.05	1.05	0.20
Phải trả người bán ngắn hạn	10.1	10.0	10.0	10.0	10.1
Nợ dài hạn	0.12	0.62	0.62	0.62	0.62
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0.50	0.50	0.50	0.50
Nguồn vốn chủ sở hữu	2.62	2.22	1.86	1.18	1.00
Vốn chủ sở hữu	2.62	2.22	1.86	1.18	1.00
Vốn điều lệ	21.6	21.6	21.6	21.6	21.6
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)